LPBank

GIẤY RÚT TIỀN
WITHDRAWAL SLIP

RT/2017-02/MBGD
Liên 1 (For Bank)

Ngày GD (Date): .....

Số GD (Ref No.): .....

Đề nghị ghi nợ tài khoản (Please debit account)

Tên tài khoản (A/C name)

Số tài khoản (A/C number)

Tại LPBank CN/PGD (With bank) **Tỉnh/TP** (Prov., City)

Người lĩnh tiền (Receiver)

Họ tên (Full name) **Điện thoại** (Phone No.)

CMND/HC/CCCD (ID/PP/CI No.)

Cấp ngày (Date of issue) **Tại** (Place of issue)

Địa chỉ (Address)

Nội dung (Details)

Loại tiền (Currency) ☐ VND ☐ EUR ☐ USD ☐ Khác ..... (Other)

☐ Phí trong (Including) ☐ Phí ngoài (Excluding)

Số tiền bằng số (Amount in numbers)

Số tiền bằng chữ (Amount in words)

Bảng kê tiền lĩnh (List of currency)

Mệnh giá (Denomination)	Số tờ (Quantity)	Thành tiền (Amount)
Tổng tiền (Total)		

Chủ tài khoản (A/C holder's signature)/ **Người đại diện hợp pháp** (Legal Rep's signature & stamp)

Kế toán trưởng (Chief Accountant)

Người nhận tiền (Receiver)

Giao dịch viên (Teller) **Thủ quỹ** (Cashier) **Kiểm soát** (Supervisor) **Phê duyệt** (Approver)

LPBank

GIẤY RÚT TIỀN
WITHDRAWAL SLIP

RT/2017-02/MBGD
Liên 2 (For Customer)

Ngày GD (Date): .....

Số GD (Ref No.): .....

Đề nghị ghi nợ tài khoản (Please debit account)

Tên tài khoản (A/C name)

Số tài khoản (A/C number)

Tại LPBank CN/PGD (With bank) **Tỉnh/TP** (Prov., City)

Người lĩnh tiền (Receiver)

Họ tên (Full name) **Điện thoại** (Phone No.)

CMND/HC/CCCD (ID/PP/CI No.)

Cấp ngày (Date of issue) **Tại** (Place of issue)

Địa chỉ (Address)

Nội dung (Details)

Loại tiền (Currency) ☐ VND ☐ EUR ☐ USD ☐ Khác ..... (Other)

☐ Phí trong (Including) ☐ Phí ngoài (Excluding)

Số tiền bằng số (Amount in numbers)

Số tiền bằng chữ (Amount in words)

Bảng kê tiền lĩnh (List of currency)

Mệnh giá (Denomination)	Số tờ (Quantity)	Thành tiền (Amount)
Tổng tiền (Total)		

Chủ tài khoản (A/C holder's signature)/ **Người đại diện hợp pháp** (Legal Rep's signature & stamp)

Kế toán trưởng (Chief Accountant)

Người nhận tiền (Receiver)

Giao dịch viên (Teller) **Thủ quỹ** (Cashier) **Kiểm soát** (Supervisor) **Phê duyệt** (Approver)